

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ -ST

Ngày 01/7/2020

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga - Chủ tịch hội LHPN Huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND Huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND Huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST - HNGĐ ngày 27/02/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03/06/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Nh, SN 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, SN 1985 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan:

1. Cháu Bùi Thiên Ngọc B, SN 05/6/2009

2. Cháu Bùi Cát Tường V, SN 29/3/2011

3. Cháu Bùi Hoàng Gia H, SN 10/01/2014

Người đại diện hợp pháp của các cháu: Chị Nh – mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: CT, XT, Ân Thi, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H: Bà Nguyễn Thu Hiền –

Trợ giúp viên trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên (có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2020 và lời khai của chị Nh trình bày chị và anh T là người cùng làng, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào ngày 11/01/2008. Sau khi cưới chị về ngay

gia đình anh T chung sống. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn, nuôi dạy con cái. Đến năm 2017, anh T còn chơi bời cờ bạc, nợ nhiều, chị và gia đình đã kHên bảo nhưng anh T thờ ơ, không quan tâm đến suy nghĩ, lời nói của chị, chị nói nhiều thì anh T quay ra chửi, đánh chị. Vì thế, chị bỏ đi thuê nhà trọ ở, sau đó anh T đến và nói là thay đổi, vợ chồng về ở để cùng nuôi dạy con chung, mẹ chồng chị cũng có kHên vì nghĩ đến con cái nên chị cho anh T cơ hội, vợ chồng về ở với nhau được 1 thời gian vợ chồng lại mâu thuẫn từ những việc nhỏ, anh T thì không thay đổi, cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng, nặng nề, ngày 02/9/2019 vợ chồng chị đánh nhau, một lần nữa chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, sau đó mẹ chồng chị có sang bảo chị về nhưng chị không về, anh T có sang xin lỗi nhưng chị không về, vợ chồng chị sống ly thân nhau từ tháng 9/2019, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 03 con chung. Hiện nay cả 3 con chung đang ở với anh T và chị đồng ý để anh T nuôi cả 03 con chung và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T là 3.000.000 đồng/ tháng/3 cháu.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị Nh là người cùng thôn, tự tìm hiểu, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào năm 2008. Sau khi cưới chị Nh về ngay gia đình anh chung sống. Sau một thời gian chung sống thì anh, chị mâu thuẫn, anh chị đã mâu thuẫn trong một thời gian dài, từ việc nhỏ vợ chồng đã cãi nhau, từ việc học của con cái đến việc đổ móng nhà, anh chị không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn, năm 2017 chị Nh bỏ nhà anh đi thuê nhà trọ ở, sau đó vợ chồng nói cHện và anh đón chị Nh về ở. Được một thời gian vợ chồng anh lại mâu thuẫn, chị Nh lại bỏ nhà đi được vài tháng lại về, vợ chồng lại cãi nhau, anh có chơi bời thì chị Nh không tôn trọng anh. Đến tháng 9/2019 vợ chồng mâu thuẫn nên chị Nh về nhà bố mẹ đẻ ở, khi chị Nh về được 1 tuần thì anh có sang nói cHện và đón chị Nh về nhưng chị Nh không về. Nay chị Nh xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì việc chị Nh ly hôn là việc của chị Nh, còn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh T, chị Nh có 3 con chung. Hiện nay cả 3 cháu đang ở với anh và anh nhận nuôi cả 03 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có

Tại biên bản lấy lời khai của bà Trịnh Thị Bặc (mẹ đẻ của anh T) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị Nh, anh T vào năm 2008, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT. Sau khi thành vợ chồng chị Nh về ngay gia đình bà chung sống. Quá trình chung sống anh chị chung sống bình thường và sinh được 3 con chung. Khoảng mấy năm trước anh T chơi bời, cờ bạc, nợ nần, chị Nh nói không được, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, chị Nh bỏ đi thuê nhà trọ ở, được vài ngày thì về, khi về bà có nói với Nh là vợ chồng đã có 03 con rồi, anh T chơi bời rồi sẽ suy nghĩ lại, chị Nh nghe vậy vợ chồng về ở với nhau. Đến ngày 02/9/2019, vợ chồng chị Nh sang bên nhà bố

mẹ đẻ chị Nh ăn cơm, bà không rõ sự việc xảy ra bên đó như thế nào, bà thấy bảo chị Nh chửi anh T ở bên đó, sau đó vợ chồng về nhà cãi nhau, xong lại thôi anh T không nói gì nữa. Vài ngày sau, bà vào nhà con gái chơi, ở nhà anh chị cãi nhau, anh T có đánh Nh, sau đó chị Nh có gọi điện cho con gái bà, bà về thì chị Nh đã về bên nhà bố mẹ đẻ ở, bà sang nhà chị Nh thì mẹ chị Nh nói thời này không ai chịu được khổ, bà nói chệch với chị Nh bảo chị Nh về ở nuôi dạy con chung nhưng chị Nh không về. Nay chị Nh xin ly hôn anh T, việc vợ chồng anh T, chị Nh có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh T, chị Nh

Về con chung: Anh T, chị Nh có 03 con chung là Bùi Thiên Ngọc B, SN 2009; Bùi Cát Tường Vi, SN 2011 và Bùi Hoàng Gia H, SN 2014. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với anh T và bà.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị Nh không có

Tại biên bản xác minh với UBND xã XT: Chị Nh, anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào ngày 11/01/2008 tại số 06. Quá trình chung sống chị Nh, anh T chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh T, chị Nh có 03 con chung là Bùi Thiên Ngọc B, SN 2009; Bùi Cát Tường V, SN 2011 và Bùi Hoàng Gia H, SN 10/01/2014.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa ngày 22/6/2020: Chị Nh có mặt, anh T vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 01/7/2020: Chị Nh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì công việc không thể xin nghỉ được, anh T vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H, bà Hiền có quan điểm: Anh T, chị Nh có 03 con chung là Bùi Thiên Ngọc B, SN 2009; Bùi Cát Tường V, SN 2011 và Bùi Hoàng Gia H, SN 10/01/2014. Cháu B, cháu V có nguyện vọng ở với anh T, còn cháu H chưa đủ tuổi lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án anh T, chị Nh đã thỏa thuận để anh T nuôi cả 03 con chung và chị Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T là 3.000.000 đồng/ tháng/ 3 cháu nên đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh T, chị Nh. Do công việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND Hện tham gia phiên tòa:***

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

+ Về đường lối giải quyết:

Áp dụng điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình ; Khoản 4 điều 147; điều 228 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hoàng Thị Nh được ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nh, anh T. Giao con chung của vợ chồng là cháu Bùi Thiên Ngọc B, SN 05/6/2009; Bùi Cát Tường V, SN 29/3/2011 và Bùi Hoàng Gia H, SN 10/01/2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nh về việc tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T 3.000.000 đồng/ tháng/ cả 3 cháu kể từ tháng 7/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Chị Nh được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Không có nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh, anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT vào ngày 11/01/2008. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nh, anh T là hợp pháp. Nay chị Nh có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh T đang cư trú tại CT, XT, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Nh, anh T đều xác định vợ chồng sau một thời gian chung sống thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung từ những việc nhỏ, việc dạy học của các con đến việc đồ móng nhà, vợ chồng cũng cãi nhau, hơn nữa anh T còn chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần, chị Nh nói không được nên mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài vì vậy chị Nh nhiều lần không ở với anh T mà thuê nhà trọ ở, nhưng vì nghĩ đến con cái chị Nh lại về tiếp tục chung sống với anh T, tuy nhiên tình trạng vợ chồng không cải thiện vợ chồng vẫn thường xuyên cãi nhau vì vậy tháng 9/2019 chị Nh về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng chị sống ly thân nhau từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống

chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh T đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh T biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Như vậy thể hiện anh T không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị Nh nữa, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng việc xây dựng hạnh phúc gia đình dựa trên tình cảm của cả hai bên, mâu thuẫn của anh T, chị Nh đã kéo dài phù hợp với lời khai của anh T, chị Nh, bà Bạc (mẹ anh T) và chị Hiền (hàng xóm của gia đình anh T), căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Nh, anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị Nh không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh T, chị Nh có 03 con chung là Bùi Thiên Ngọc B, SN 05/6/2009; Bùi Cát Tường V, SN 29/3/2011 và Bùi Hoàng Gia H, SN 10/01/2014. Nay ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu và yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh mỗi tháng là 3.000.000 đồng/ 3 cháu kể từ tháng 7/2020. Chị Nh đồng ý để cho anh T tiếp tục nuôi cả 03 con chung. Xét nguyện vọng của anh T là phù hợp với thực tế vì hiện nay cả 03 con chung đang ở với anh T, cháu B, cháu V đều có nguyện vọng ở với anh T, hơn nữa anh T, chị Nh đều khai là hiện nay chị Nh đang phải đi ở nhờ nhà của một người họ hàng, xung quanh nhiều ao, ruộng, chị Nh lại đi làm ca nên điều kiện chăm sóc, trông nom con cái khó, vì vậy ghi nhận sự tự nguyện về việc nuôi con chung của anh T, chị Nh nên HĐXX giao cả 03 con chung cho anh T tiếp tục nuôi. Về cấp dưỡng anh T yêu cầu chị Nh cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cả 3 cháu là 3.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2020, chị Nh đồng ý, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh T, chị Nh không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 228; điều 238 khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Nh được ly hôn anh Bùi Văn T

2- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T, chị Nh. Giao 3 cháu là Bùi Thiên Ngọc B, SN 05/6/2009; Bùi Cát Tường V, SN 29/3/2011 và Bùi Hoàng Gia H, SN 10/01/2014 cho anh Bùi Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Chị Nh phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T là 3.000.000 đồng/ tháng/ 3 cháu kể từ tháng 07/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Chị Nh có quyền đi lại thăm nom con chung, anh T không được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nh không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nh, anh T không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

4 - Về án phí : Chị Nh phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000505 ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Ân Thi. Chị Nh còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị Nh, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trò hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh
- VKSND Hện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Hện;
- UBND xã XT, Ân Thi;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

